TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/03/2019
V/v ly hôn giữa chị T và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Phước.

2. Bà Trần Thị Diễm Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Ngà – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 635/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị T, sinh năm 1978;

HKTT tại: số 83, ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ đang cư trú: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Lê Nhật H, sinh năm 1976;

Cư trú tại: số 83, ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học A, ấp 9, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị T có mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Nhật H kết hôn vào năm 2013, hôn nhân do anh chị tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre vào ngày 24/7/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại ấp Phước Định, xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh

Bến Tre. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường cãi nhau, anh H còn có thái độ hành hung, đánh đập chị. Cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt dần và từ tháng 9 năm 2018 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh H không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Khánh Đ, sinh ngày 01/6/2016, con chung hiện nay đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị và anh H không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Nhật H trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh H.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: chị T và anh H đã ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay. Kết quả xác minh của Tòa án cũng xác định được giữa chị T và anh H có phát sinh mâu thuẫn trong thời gian chung sống. Trong suốt quá trình tố tụng, anh H vắng mặt; điều đó cho thấy anh H không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung, trong thời gian ly thân chị T trực tiếp nuôi con là Lê Khánh Đ, sinh ngày 01/6/2016; xét con chung dưới 36 tháng tuổi, anh H không có yêu cầu gì về con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T; chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa án ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung, chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Lý Thị T và anh Lê Nhật H là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh H hiện đang cư trú và làm việc tại huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh H vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre vào ngày 24/7/2013 (số 74/2013 quyển số 01/2013) nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Chị T xác định chị và anh H đã ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng có bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhiều lần mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H không tham gia phiên hòa giải; điều đó cho thấy, anh H không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tại biên bản xác minh ngày 21/02/2019 của Tòa án đã xác định được, trong thời gian chung sống chị T và anh H thường hay cãi nhau; thời gian qua, gia đình cũng đã nhiều lần động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến nay vẫn không có kết quả. Xét thấy, kết quả xác minh này phù hợp với lời khai của chị T. Từ đó có cơ sở để xác định, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Theo giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp ngày 09/6/2016 thì chị T và anh H có 01 con chung tên Lê Khánh Đ, sinh ngày 01/6/2016, hiện nay đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, cháu Đ hiện nay đang sống cùng chị T, anh H không có yêu cầu gì về con chung và cháu Đ dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị T trực tiếp nuôi là phù hợp theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 147, 207, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lý Thị T ly hôn với anh Lê Nhật H.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Khánh Đ, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Triệu đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020581 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Chị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh BT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Huyền